GRAMMAR PART – THE FIRST TERM TEST

UNIT 1. ĐỘNG TỪ THỂ HIỆN SỰ YÊU THÍCH, THÌ HIỆN TẠI ĐƠN, TƯƠNG LAI ĐƠN

1. Đi sau **Like,love,enjoy** là một ĐỘNG TỪ : A. Ving B. Ved C. V nguyên thể

2. Cấu trúc của tương lai đơn: A. Ves/s B. will + V nguyên thể C. Ved

UNIT 2. LIÊN TỪ

Chọn đúng nghĩa thích hợp:

1. But: A. bởi vì B. vì vậy C. nhưng

2. So: A. bởi vì B. vì vậy C. nhưng

3. Because: A. bởi vì B. vì vậy C. nhưng

UNIT 3. THÌ HIỆN TẠI HOÀN THÀNH, QUÁ KHỨ ĐƠN

1. Dấu hiệu thì QKĐ: A. for + time B. since + time C. ago/yesterday

2. Dấu hiệu thì HTHT: A. for + time B. last C. ago

3. Cấu trúc thì HTHT: A. have + Ved B. will + V C. Ved

UNIT 4. SO SÁNH

1. So sánh bằng/ giống nhau:

- A + tobe + the same (N) + as + B

- A + tobe + (not) as + adj + as + B

2. So sánh khác nhau:

- A + tobe+ different from + B

***Practice:**

- AS + ADJ _____: A. as B. same C. from

- _____ same as: A. as B. same C. the

- Different _____: A. as B. same C. from

2. TOO/ EITHER => ĐỒNG TÌNH GÌ ĐÓ VÀ ĐỨNG CUỐI CÂU

- **Too**: dùng trong câu thể hiện sự đồng tình dạng khẳng định
- **Either**: dùng trong câu thể hiện sự đồng tình dạng phủ định

UNIT 5: SOME, A

-Some dùng trong câu: A. khẳng định B. Phủ định C. Nghi vấn

-Some dùng trong câu nghi vấn khi nào: A. Ngỏ ý mời ai đó B. Bắt buộc ai làm gì

-"A" đứng trước danh từ: A. đếm được số nhiều B. Đếm được số it

UNIT 6: CÂU BỊ ĐỘNG => cấu trúc chung của câu bị động: BE + P2

Các bước chuyển từ chủ động sang bị động:

1. Tân ngữ của câu CĐ đưa lên làm chủ ngữ của câu BĐ
2. Động từ của câu CĐ được viết dưới dạng BE + P2 theo thì (tense) của câu CĐ.
3. By + O nếu có
4. Thời gian => đứng sau By + O
5. Địa điểm => đứng trước By + O

LIVEWORKSHEETS